

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-ST
Ngày 04 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoài Yên.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2021/TLST-DS, ngày 23 tháng 11 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Bùi Trần T, sinh ngày 10/6/1966 (vắng mặt).

Bà Danh Thị Đ, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm F, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 27/4/2017, bà Danh Thị Đ có mua loa kéo còn nợ số tiền là 7.120.000 đồng, thỏa thuận trả trong 08 tháng, mỗi tháng trả số tiền 890.000 đồng, trả vào ngày 27 hàng tháng, bà Danh Thị Đ có ký tên vào hợp đồng mua bán. Bà Danh Thị Đ trả 2.670.000 đồng vào các ngày 26/8/2017, 22/12/2017 và ngày 29/9/2018. Vào ngày 29/3/2018, bà

Danh Thị Đ có mua điện thoại hiệu Samsung còn nợ số tiền là 8.190.000 đồng, trả trước 190.000 đồng. Thỏa thuận trả trong 06 tháng, mỗi tháng trả số tiền 1.400.000 đồng, trả vào ngày 27 hàng tháng. Như vậy, tổng 02 khoản tiền bà Danh Thị Đ còn nợ là 12.850.000 đồng.

Từ khi còn nợ đến nay bà Danh Thị Đ không trả như thỏa thuận, ông có liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng bà Danh Thị Đ cứ hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Bà Danh Thị Đ và ông Bùi Trần T là vợ chồng nên cả hai cùng phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Danh Thị Đ, ông Bùi Trần T phải chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ là 12.850.000 đồng.

Bị đơn là bà Danh Thị Đ, ông Bùi Trần T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện bà Danh Thị Đ, ông Bùi Trần T phải liên đới trả tiền từ việc mua loa kéo di động và điện thoại còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Bùi Trần T và bà Danh Thị Đ được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp*: Ông Nguyễn Việt S xác định bà Danh Thị Đ và ông Bùi Trần T cả hai có thỏa thuận mua loa kéo di động và điện thoại di động tại cửa hàng của ông về sử dụng còn nợ của ông tổng số tiền là 12.850.000 đồng. Bà Danh Thị Đ là người ký tên vào biên nhận nợ. Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[3]. *Về nội dung*: Ông Nguyễn Việt S xác định là ông đã thỏa thuận mua bán đối với bà Danh Thị Đ. Cụ thể: Bà Danh Thị Đ có mua loa kéo di động và điện thoại di động tại cửa hàng của ông Nguyễn Việt S và còn nợ với tổng số tiền là 12.850.000 đồng. Quá trình mua điện thoại còn nợ thì bà Danh Thị Đ có ký tên vào hợp đồng mua bán và biên nhận nợ. Từ khi mua hàng đến nay, bà Danh Thị Đ không trả như thỏa thuận, ông Nguyễn Việt S có liên hệ đòi nhưng bà Danh Thị Đ cứ hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Do đó bà Danh Thị Đ phải có trách nhiệm trả tiền cho ông Nguyễn Việt S. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Nguyễn Việt S đã cung cấp 01 hợp đồng điện máy vào ngày 27/4/2017 và biên nhận ngày 29/3/2018 có nội dung bà Danh Thị Đ còn nợ tổng số tiền 12.850.000 đồng từ việc mua loa kéo di động và điện thoại di động.

[4]. Đối với bà Danh Thị Đ không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Do bà Danh Thị Đ, ông Bùi Trần T là vợ chồng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết.

Mặt khác, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mua tài sản phục vụ sinh hoạt gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S là buộc bà Danh Thị Đ, ông Bùi Trần T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền là 12.850.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Việt S được chấp nhận nên ông Bùi Trần T và bà Danh Thị Đ cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Buộc bà Danh Thị Đ, ông Bùi Trần T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền là 12.850.000 đồng (mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Danh Thị Đ, ông Bùi Trần T có trách nhiệm liên đới chịu 642.500 đồng (sáu trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Việt S được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 321.000 đồng (ba trăm hai mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017381 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Danh Thị Đ, ông Bùi Trần T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước